|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI  **VIỆN CNSH&CNTP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN NHẬN XÉT THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

***Dành cho giảng viên hướng dẫn***

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

Họ và tên người hướng dẫn: ...................... .................Học hàm, học vị:..........................

Chuyên ngành/Lĩnh vực chuyên môn:................................................ ..............................

Họ tên sinh viên: ............................... Lớp: ....................... Chuyên ngành*…….………….*

Tên đề tài/đồ án khóa luận: *…………………….……*..................*.……*................................

*…………………….……*..................*.……*..................*…………………….……*.....................

**II. NỘI DUNG NHẬN XÉT: (***Nhận xét cụ thể về những nội dung sau)*

**1. Kiến thức chuyên môn, kỹ thuật của sinh viên, năng lực tự chủ, tự giải quyết vấn đề**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**2. Kỹ năng vận hành thiết bị, công cụ phân tích trong thực tế**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**4. Đánh giá kĩ năng thiết kế thí nghiệm và triển khai đánh giá phân tích kết quả thí nghiệm, thử nghiệm**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**5. Thái độ với công việc, xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và triển khai**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**6. Kết luận:** Ghi rõ đồng ý, (hoặc không đồng) ý cho sinh viên đã hoàn thành quá trình thực tập tốt nghiệp …………………………………………………………………………………………

*Hà Nội, ngày ........ tháng ........ năm 202*

Người nhận xét

*(ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI  **VIỆN CNSH&CNTP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

***Dành cho giảng viên hướng dẫn***

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

Họ và tên người hướng dẫn: ...................... .................Học hàm, học vị:..........................

Chuyên ngành/Lĩnh vực chuyên môn:................................................ ..............................

Họ tên sinh viên: ............................... Lớp: ....................... Chuyên ngành*…….………….*

Tên đề tài/đồ án khóa luận: *…………………….……*..................*.……*................................

*…………………….……*..................*.……*..................*…………………….……*.....................

**II. PHẦN CHẤM ĐIỂM**

*Giảng viên cho điểm căn cứ theo bảng Rubric đánh giá khóa luận tốt nghiệp;Tổng điểm chấm theo thang điểm 10, lẻ tới 0,1;*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| 1 | **Kiến thức chuyên môn, năng lực tự chủ, tự giải quyết vấn đề** | 2,0 |  |
| * 1. Hiểu vấn đề nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên ngành để tổng quan và thực hiện đề tài nghiên cứu |  |  |
| * 1. Khai thác được kiến thức cập nhật, tiên tiến từ nguồn sách, giáo trình, tạp chí khoa học, công cụ online, đa phương tiện |  |  |
| * 1. Vận dụng được phần mềm, công cụ số thông dụng để phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu và thực nghiệm |  |  |
| * 1. Áp dụng được phần mềm chuyên ngành Công nghệ sinh học để xử lý, phân tích số liệu thực nghiệm |  |  |
| 2 | Kĩ năng vận hành thiết bị, công cụ phân tích thực tế | 2,0 |  |
| a. Hiểu được mô hình và hệ thống thiết bị thuộc qui trình sản xuất, phân tích chất lượng và hoàn thiện sản phẩm |  |  |
| b. Giải thích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phạm vi ứng dụng, ưu nhược điểm của thiết bị |  |  |
| c. Thiết lập được thông số của quá trình và thiết bị thuộc qui trình tạo sản phẩm và thí nghiệm |  |  |
| d. Vận hành và hiệu chỉnh được hệ thống thiết bị và công cụ, đo lường trong thực nghiệm và sản xuất |  |  |
| 3 | Đánh giá kĩ năng thiết kế thí nghiệm và triển khai thực nghiệm | 4,0 |  |
| Xây dựng được qui trình thí nghiệm, phương pháp thực hiện, tính toán phù hợp, xử lý số liệu phù hợp nội dung nghiên cứu |  |  |
| Lựa chọn được thiết bị phù hợp với thí nghiệm, hiệu chuẩn và vận hành thiết bị đạt kết quả chính xác |  |  |
| Thực hiện được thí nghiệm, hoàn thiện sản phẩm khoa học/qui trình thí nghiệm đạt kết quả chính xác theo thuyết minh/đồ án nghiên cứu |  |  |
|  | Phân tích kết quả thí nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, đề xuất cải tiến hoặc ứng dụng sản phẩm hoặc xây dựng qui trình, xây dựng hồ sơ sản phẩm |  |  |
| 4. | **Đánh giá kĩ năng xây dựng kế hoạch làm việc nhóm** | 2,0 |  |
| a. Xây dựng được kế hoạch thực tập có làm việc nhóm với mục tiêu, nội dung khả thi |  |  |
| b. Tham gia và triển khai được các nhiệm vụ thực tập theo nhóm để đạt mục tiêu và hoàn thành kế hoạch |  |  |
|  | CỘNG | 10 |  |

*Hà Nội, ngày ........ tháng ........ năm 202*

Người đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI  **VIỆN CNSH&CNTP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN/ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

***Dành cho giảng viên hướng dẫn***

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

Họ và tên người hướng dẫn: ...................... .................Học hàm, học vị:..........................

Chuyên ngành/Lĩnh vực chuyên môn:................................................ ..............................

Họ tên sinh viên: ............................... Lớp: ....................... Chuyên ngành*…….……*

Tên đề tài/đồ án khóa luận: *…………………….……*..................*.……*................................

*…………………….……*..................*.……*..................*…………………….……*.....................

**2.2 Điểm đánh giá**

*Giảng viên cho điểm căn cứ theo bảng Rubric đánh giá khóa luận/đồ án tốt nghiệp;Tổng điểm chấm theo thang điểm 10, lẻ tới 0,1;*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tiêu chí** | **Điểm**  **Tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| 1 | **Tính cấp thiết và ý tưởng của đề tài** | 1.0 |  |
|  | a. Lý do thực hiện đề tài: **(***tư duy phản biện***)**  Phân tích ý nghĩa khoa học, hoặc tính ứng dụng, khảo sát, đánh giá  b. Ý tưởng và cách tiếp cận khoa học (*tư duy sáng tạo***)**  Tính mới: cách tiếp cận/ ý tưởng/ phương pháp/cải tiến sản phẩm/kết quả |  |  |
| 2 | **Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài** | 1,0 |  |
| a. Tổng quan đủ cơ sở lý luận các vấn đề nghiên cứu, |  |  |
| b. Cơ sở lý luận khoa học trong và ngoài nước, có cập nhật và tiên tiến |  |  |
| 3 | **Mục tiêu, nội dung đề tài** | 1,0 |  |
| a. Mục tiêu đáp ứng định hướng nghiên cứu căn cứ tính cấp thiết của vấn đề  b. Nội dung nghiên cứu đủ các tiêu chí khoa học/ứng dụng theo thuyết minh, độ chuyên sâu khoa học và công nghệ của vấn đề nghiên cứu |  |  |
| 4 | **Phương pháp nghiên cứu** | 2,0 |  |
| a. Xây dựng được qui trình thí nghiệm, phương pháp thực hiện, tính toán phù hợp, xử lý số liệu để đạt kết quả chính xác  b. Vận dụng kiến thức tiên tiến, phần mềm, công cụ số để thiết kế thí nghiệm, phân tích kết quả |  |  |
| 5 | **Kết quả và thảo luận** | 3,0 |  |
| 1. a. Số lượng kết quả hoàn chỉnh để giải quyết được nội dung nghiên cứu 2. b. Mức chất lượng, chỉ tiêu đạt được, độ tin cậy của kết quả, hàm lượng khoa học, kỹ thuật của nội dung 3. c. Phần thảo luận có phân tích kết quả, so sánh và đánh giá, có đề xuất cải tiến |  |  |
| 6 | **Tài liệu tham khảo** | 1,0 |  |
| 1. Tài liệu trích dẫn cập nhật, phù hợp nội dung nghiên cứu 2. Vận dụng kiến thức từ báo khoa học, giáo trình, sách tiếng Anh |  |  |
| 7 | **Hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài** | 1,0 |  |
| Bố cục khoa học, trình bày đúng form mẫu, không lỗi chính tả  Nội dung đầy đủ, bảng, biểu, hình ảnh đúng qui định |  |  |
|  | **CỘNG** | **10** |  |

*Hà Nội, ngày ........ tháng ........ năm 202*

**Người đánh giá**

1. **Rubric đánh giá thực tập tốt nghiệp (dự án/đề tài/đồ án) (của giảng viên hướng dẫn)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực cần đánh giá** | **Chuẩn đầu ra** | **Trọng số** | **Các tiêu chí đánh giá** |  |  |  |  |  |
| **Yếu**  **(0 -4,9)** | **Trung bình**  **(5-6,9)** | **Mức khá**  **(7,0-8,4)**  **(Ngưỡng đạt chuẩn đầu ra)** | **Mức tốt**  **(8,5 - 10)** | **Điểm** |
| **Kiến thức chuyên môn, năng lực tự chủ, tự giải quyết vấn đề** | * Kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành cập nhật, tiên tiến * Khả năng học tập suốt đời, nắm bắt xu hướng thế giới * Kỹ năng ngoại ngữ (tiếng anh), tin học * Tư duy sáng tạo, phản biện | 20 % | 1. Hiểu vấn đề nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên ngành để tổng quan và thực hiện đề tài nghiên cứu 2. Khai thác được kiến thức cập nhật, tiên tiến từ nguồn sách, giáo trình, tạp chí khoa học, công cụ online, đa phương tiện 3. Vận dụng được phần mềm, công cụ số thông dụng để phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu và thực nghiệm 4. Áp dụng được phần mềm chuyên ngành Công nghệ sinh học để xử lý, phân tích số liệu thực nghiệm | 1. Không hiểu vấn đề nghiên cứu không biết cách tra cứu tài liệu 2. Thiếu tiêu chí (b) hoặc (c), hoặc (d) | 1. Hiểu vấn đề nghiên cứu, biết cách tra cứu tài liệu phục vụ nghiên cứu 2. Thiếu tiêu chí (b) hoặc (c) hoặc (d) | 1. Hiểu vấn đề nghiên cứu Biết cách tra cứu tài liệu, **cập nhật** kiến thức phục vụ nghiên cứu 2. Có khả năng đề xuất hướng nghiên cứu phù hợp 3. Đọc được tài liệu chuyên ngành tiếng anh, ứng dụng tin học trong chuyên môn 4. Áp dụng được phần mềm chuyên ngành Công nghệ sinh học để xử lý, phân tích số liệu thực nghiệm | 1. Hiểu vấn đề nghiên cứu, **biết cách tra cứu, cập nhật, tiên tiến tổng hợp kiến thức** phục vụ nghiên cứu 2. Có khă năng phân tích, đánh giá, tổng hợp và đề xuất hướng nghiên cứu có tính mới, tính ứng dụng, hoặc sáng tạo 3. Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành tiếng anh, ứng dung tin học phục vụ chuyên môn 4. Áp dụng được phần mềm chuyên ngành Công nghệ sinh học để xử lý, phân tích số liệu thực nghiệm |  |
| **Kĩ năng vận hành thiết bị, công cụ phân tích thực nghiệm** | a. Hiểu được mô hình và hệ thống thiết bị thuộc qui trình sản xuất, phân tích chất lượng và hoàn thiện sản phẩm  b. Giải thích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phạm vi ứng dụng, ưu nhược điểm của thiết bị  c.Thiết lập được thông số của quá trình và thiết bị thuộc qui trình tạo sản phẩm và thí nghiệm  d.Vận hành và hiệu chỉnh được hệ thống thiết bị và công cụ, đo lường trong thực nghiệm và sản xuất | 20% | a.Hiểu được mô hình và hệ thống thiết bị thuộc qui trình sản xuất, phân tích chất lượng và hoàn thiện sản phẩm  b. Giải thích được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phạm vi ứng dụng, ưu nhược điểm của thiết bị  c.Thiết lập được thông số của quá trình và thiết bị thuộc qui trình tạo sản phẩm và thí nghiệm  d.Vận hành và hiệu chỉnh được hệ thống thiết bị và công cụ, đo lường trong thực nghiệm và sản xuất | a. Không có có kỹ năng cơ bản trong trong thực tiễn sản xuất  b. không đạt tiêu chí (a) hoặc (b) hoặc (c), hoặc (d) | a. Có kỹ năng cơ bản trong phòng thí nghiệm trong thực nghiệm  b. Các kỹ năng a, b, c, d có thể thực hiện nhưng rất khó hoàn thành | a. Có kỹ năng cơ bản trong thực nghiệm; Có kỹ năng thao tác kỹ thuật chuyên ngành.  b. Hoàn thành được các kỹ năng a, b, c, d | a. Có kỹ năng thao tác kỹ thuật chuyên ngành thành thạo.  b. Có khả năng triển khai thực hiện các kỹ năn a, b, c, d đạt kết quả chính xác |  |
| **Đánh giá kĩ năng thiết kế thí nghiệm và triển khai thực nghiệm** | 1. Xây dựng được qui trình thí nghiệm, phương pháp thực hiện, tính toán phù hợp, xử lý số liệu phù hợp nội dung nghiên cứu 2. Lựa chọn được thiết bị phù hợp với thí nghiệm, hiệu chuẩn và vận hành thiết bị đạt kết quả chính xác 3. Thực hiện được thí nghiệm, hoàn thiện sản phẩm khoa học/qui trình thí nghiệm đạt kết quả chính xác theo thuyết minh/đồ án nghiên cứu 4. Phân tích kết quả thí nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, đề xuất cải tiến hoặc ứng dụng sản phẩm hoặc xây dựng qui trình, xây dựng hồ sơ sản phẩm | 40% | 1. Xây dựng được qui trình thí nghiệm, phương pháp thực hiện, tính toán phù hợp, xử lý số liệu phù hợp nội dung nghiên cứu 2. Lựa chọn được thiết bị phù hợp với thí nghiệm, hiệu chuẩn và vận hành thiết bị đạt kết quả chính xác 3. Thực hiện được thí nghiệm, hoàn thiện sản phẩm khoa học/qui trình thí nghiệm đạt kết quả chính xác theo thuyết minh/đồ án nghiên cứu 4. Phân tích kết quả thí nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, đề xuất cải tiến hoặc ứng dụng sản phẩm hoặc xây dựng qui trình, xây dựng hồ sơ sản phẩm | Không có có kỹ năng thực hiện được các mục và không đạt tiêu chí (a), (b) hoặc (c) hoặc (d) | Có kỹ năng thực hiện được các mục và đạt **3** tiêu chí trong 4 mục (a), (b), (c) và (d) | Có kỹ năng thực hiện được các mục và đạt **4** tiêu chí trong 4 mục (a), (b), (c) và (d) | Có kỹ năng thực hiện được hoàn thành và chính xác, thành thục các mục và đạt **4** tiêu chí trong 4 mục (a), (b), (c) và (d) |  |
| **Thái độ với công việc** | 1. Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm khả thi 2. Triển khai và phối hợp và làm việc theo nhóm, kỹ năng tạo động lực làm việc nhóm | 20% | 1. Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm khả thi 2. Triển khai và phối hợp và làm việc theo nhóm, kỹ năng tạo động lực làm việc nhóm | Không đạt các tiêu chí đã nêu | Chỉ đạt 1 trong 2 tiêu chí bên | Thực hiện được đạt 2 tiêu chí bên | Đạt cả 2 tiêu chí với khả năng thành thục, hiệu quả |  |

1. **Rubric đánh giá khóa luân/đồ án tốt nghiệp (của giảng viên hướng dẫn)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số** | **Các tiêu chí đánh giá** |  |  |  |  |  |
| **Yếu**  **(0 -4,9)** | **Trung bình**  **(5-6,9)** | **Mức khá**  **(7,0-8,4)** | **Mức tốt**  **(8,5 - 10)** | **Điểm** |
| **1.** Tính cấp thiết và ý tưởng | CLO1, CLO2 | 10 % | a. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, không trùng lặp, tính mới, tính khoa học  b. Cách tiếp cận khoa học, phương pháp tiếp cận | a. Nghiên cứu bị trùng lặp, hoặc ý tưởng đề tài **không** có ý nghĩa khoa học, không có tính ứng dụng)  b. không có cách tiếp cận đúng | a. Nếu trùng lặp với hướng nghiên cứu trước phải phân tích được những tồn tại chưa giải quyết được  b. Cách tiếp cận thông thường | a. Ý tưởng có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học, Nếu trùng lặp với hướng nghiên cứu trước phải phân tích được những tồn tại chưa giải quyết được  b. Cách tiếp cận có căn cứ khoa học | a. Ý tưởng có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học **hoặc có sáng tạo, hoặc có tính mới,** hoặc có tính ứng dụng cao, có nhu cầu thị trường  b. Cách tiếp cận có khoa học, tiếp cận phương pháp sáng tạo |  |
| **2.** Mục tiêu và nội dung nghiên cứu | CLO3, CLO4 | 10% | a. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng phù hợp  b. Nội dung nghiên cứu đầy đủ sâu, rông, đủ các chỉ tiêu. | a. Mục tiêu nghiên cứu không phù hợp  b. Các nội dung dự kiến **không đáp ứng** mục tiêu nghiên cứu | a. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và đáp ứng theo nội dung nghiên cứu  b.  **Còn thiếu một số** nội dung để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu | a. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và đáp ứng theo nội dung nghiên cứu  b. Các nội dung tương đối đủ hàm lượng khoa học **đáp ứng được** yêu cầu mục tiêu nghiên cứu | a. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và đáp ứng định hướng nghiên cứu  b. Nội dung nghiên cứu đủ **tiêu chí, đủ hàm lượng** khoa học, kỹ thuật hoàn thành mục tiêu nghiên cứu |  |
| **3.** Tổng quan về nghiên cứu | CLO1, CLO2 | 10 % | a. Cơ sở lý luận khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu  b. Nghiên cứu trong và ngoài nước  c. Nội dung trích dẫn phù hợp | Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm hạn chế, cơ sở lý luận không bám sát nội dung nghiên cứu | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm bám sát theo các nội dung nghiên cứu/ đồ án | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm **đầy đủ**, **bám sát** theo các nội dung nghiên cứu  b. Có phân tích các nghiên cứu trong nước và ngoài nước | a. Cơ sở lý luận khoa học, luận điểm **đầy đủ,** **phong phú, bám sát** theo các nội dung nghiên cứu/đồ án  b. Có **cập nhật** phân tích các nghiên cứu trong nước và ngoài nước  **c.** Nội dung trích dẫn, phân tích phù hợp và có ý nghĩa khoa học với tiêu chí nghiên cứu |  |
| **4.** Đối tượng và phương pháp nghiên cứu | CLO1, CLO3 | 20 % | a. Nêu rõ đối tượng, vật liệu, thiết bị chính cho nghiên cứu  b. Phương pháp thí nghiệm, công nghệ, tính toán, xử lý số liệu | a. Đối tượng nghiên cứu không rõ ràng  b. Các phương pháp kĩ thuật, công nghệ **không** phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệu **không** chính xác | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu, vật tư thiết bị phù hợp  b. Có các phương pháp thí nghiệm, kĩ thuật, công nghệ, có phương pháp tính toán, xử lý số liệu | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu, vật tư thiết bị chính  b. Phương pháp thí nghiệm, kĩ thuật, công nghệ phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệu **đầy đủ** **Chính xác** | a. Nêu rõ đối tượng nghiên cứu phù hợp, vật liệu, thiết bị chính  b. Phương pháp thí nghiệm, kỹ thuật, công nghệ phù hợp, phương pháp tính toán, xử lý số liệuđược **chính xác, đầy đủ,** **cập nhật** |  |
| **5.** Kết quả và thảo luận | CLO5,  CLO6 | 30 % | a. Số lượng kết quả đạt được mục tiêu và nội dung nghiên cứu (đề cương đã nêu)  b. Đánh giá mức chất lượng, chỉ tiêu đạt được  c. Phân tích và thảo luận về kết quả đã có | a. **số lượng** kết quả không phù hợp, Không đủ đáp ứng theo nội dung nghiên cứu | a. S**ố lượng** kết quả phù hợp theo nội dung nghiên cứu đã nêu  b. Có ít mức chất lượng, chỉ tiêu đạt được theo nội dung | a. **số lượng** kết quả phù hợp với nội dung nghiên cứu  b. Có **tương đối mức** **chất lượng, chỉ tiêu** đạt hàm lượng khoa học theo nội dung | a. Số lượng kết quả hoàn chỉnh, đủ tiêu chí giải quyết được mục tiêu và nội dung nghiên cứu  b. Mức chất lượng, chỉ tiêu đạt hàm lượng khoa học, kỹ thuật theo nội dung  c. Phần thảo luận có phân tích kết quả nghiên cứu |  |
| **6.** Tài liệu tham khảo | CLO5,  CLO6 | 10 % | Tài liệu tham khảo phong phú, tính cập nhật, trong và ngoài nước  Nội dung tài liệu trích dẫn phù hợp với nội dung nghiên cứu | Có qúa ít tài liệu tham khảo  b. Nội dung trích dẫn không phù hợp, không đúng qui định | a. Có tài liệu tham khảo  b. Có nội dung trích dẫn tương ứng với nội dung nghiên cứu | Có tài liệu tham khảo trong nước, nước ngoài  b. Nội dung trích dẫn **phù hợp** với nội dung nghiên cứu | 1. Tài liệu tham khảo **phong phú**, **cập nhật**, trong và ngoài nước 2. Nội dung trích dẫn **phù hợp** với tiêu chí nghiên cứu |  |
| **7.** Hình thức trình bày | CLO6 | 10 % | a. Hình thức trình bày của đề cương  b. Bố cục, form mẫu, chính tả | 1. Trình bày không đúng form mẫu, không rõ ràng, hoặc quá nhiều lỗi chính tả | 1. Khóa luận trình bày đúng form mẫu, đủ các mục, có lỗi chính tả | a. Trình bày rõ ràng  b. Khóa luận đúng form mẫu đủ mục. ít lỗi chính tả | 1. Khóa luận trình bày hình ảnh rõ ràng, trung thưc. 2. Bố cục đề cương đúng form mẫu, Không có lỗi chính tả |  |